ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 52 KHÔNG THỰC HIỆN KHẢO SÁT
NĂM HỌC 2019 - 2020

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
1	Võ Thị Kim	Anh	17A5011019	K52 CT THỨ 2 (KẾ TOÁN)
2	Bùi Trần Uyển	Mi	18F7011016	K52 CT THỨ 2 (KẾ TOÁN)
3	Nguyễn Thị Phương	Thảo	15F7511401	K52 CT THỨ 2 (QTKD)
4	Nguyễn Văn Mạnh	Cường	18K4131066	K52 (KIỂM TOÁN)
5	Cao Trần	Cường	18K4131004	K52 (KIỂM TOÁN)
6	Đoàn Quốc	Dũng	18K4131007	K52 (KIỂM TOÁN)
7	SINTHANOUPHAT	HATPASEUT	18K4135001	K52 (KIỂM TOÁN)
8	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18K4131011	K52 (KIỂM TOÁN)
9	Văn Thị Minh	Hiếu	18K4131012	K52 (KIỂM TOÁN)
10	Bùi Thị	Hương	18K4131013	K52 (KIỂM TOÁN)
11	Lê Thị Hồng	Linh	18K4131021	K52 (KIỂM TOÁN)
12	Bùi Thị Thu	Linh	18K4131020	K52 (KIỂM TOÁN)
13	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	18K4131068	K52 (KIỂM TOÁN)
14	Nguyễn Châu Thảo	Ngọc	18K4131032	K52 (KIỂM TOÁN)
15	Nguyễn Long	Nhật	18K4131035	K52 (KIỂM TOÁN)
16	Phạm Thị Quỳnh	Nhi	18K4131040	K52 (KIỂM TOÁN)
17	Đặng Ngô ý	Nhi	18K4131036	K52 (KIỂM TOÁN)
18	Nguyễn Hoàng Khiêm	Nhu	18K4131041	K52 (KIỂM TOÁN)
19	Nguyễn Hữu Đình	Phúc	18K4131044	K52 (KIỂM TOÁN)
20	Hồ Văn	Thiểu	18K4131050	K52 (KIỂM TOÁN)
21	Võ Văn Thành	Tín	18K4131058	K52 (KIỂM TOÁN)
22	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18K4131060	K52 (KIỂM TOÁN)
23	Lê Thị Thu	Uyên	18K4131063	K52 (KIỂM TOÁN)
24	Ngô Thị Cẩm	Vân	18K4131064	K52 (KIỂM TOÁN)
25	Nguyễn Thị Hồng	Vân	18K4131065	K52 (KIỂM TOÁN)
26	SYYALATH	XEUN	18K4135002	K52 (KIỂM TOÁN)
27	Trần Đại Quốc	Bảo	18K4061002	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
28	Châu Ngọc Mỹ	Duyên	18K4061003	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
29	Nguyễn Văn	Khải	18K4061006	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
30	Đặng Văn Nhật	Minh	18K4061009	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
31	Nguyễn Thị Như	Nguyện	18K4061010	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
32	Võ Thị Kim	Ny	18K4061013	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
33	Phan Đăng Hoàng	Thông	18K4061018	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
34	Đặng Thị Ngọc	Trâm	18K4061021	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
35	Trần Ngọc	Trân	18K4061022	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
36	Cao Huy Minh	Trí	18K4061023	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
37	Hồ Huỳnh Na	Uy	18K4061026	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
38	Lê Viết	Việt	18K4061028	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
39	Đặng Quang	Vinh	18K4061029	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
40	Phan Văn	Vũ	18K4061031	K52 (KT CHÍNH TRỊ)
41	Trần Thị	Giao	18K4101002	K52 (KTNN)
42	Lê Cẩm	Hằng	18K4011071	K52 (KT&QLTN MÔI TRƯỜNG)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
43	Hồ Vũ Hoàng	Anh	18K4071005	K52 (NGÂN HÀNG)
44	Đào Nguyên Thiên	Ân	18K4071009	K52 (NGÂN HÀNG)
45	Huỳnh Nguyễn Sơn	Cương	18K4071014	K52 (NGÂN HÀNG)
46	Nguyễn Đình	Diệu	18K4071016	K52 (NGÂN HÀNG)
47	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	18K4071028	K52 (NGÂN HÀNG)
48	Nguyễn Thị	Hiếu	18K4071043	K52 (NGÂN HÀNG)
49	Nguyễn Thị	Hương	18K4071053	K52 (NGÂN HÀNG)
50	SOMCHAN	LAMTHOUN	18K4075001	K52 (NGÂN HÀNG)
51	Lê Anh Nhật	Minh	18K4071065	K52 (NGÂN HÀNG)
52	Y Kim	Mỹ	18K4071069	K52 (NGÂN HÀNG)
53	Nguyễn Đức Hoàng	Nhân	18K4071079	K52 (NGÂN HÀNG)
54	Hoàng Thị	Oanh	18K4071093	K52 (NGÂN HÀNG)
55	Trương Vĩnh	Phúc	18K4071097	K52 (NGÂN HÀNG)
56	Nguyễn Thị Y	Phương	18K4071099	K52 (NGÂN HÀNG)
57	Nguyễn Đăng	Quyết	18K4071148	K52 (NGÂN HÀNG)
58	VANSALY	SEK AH	18K4075002	K52 (NGÂN HÀNG)
59	Châu Thị Phương	Thanh	18K4071111	K52 (NGÂN HÀNG)
60	Nguyễn Cảnh Quốc	Thịnh	18K4071119	K52 (NGÂN HÀNG)
61	Trương Đức	Toàn	18K4071131	K52 (NGÂN HÀNG)
62	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18K4071133	K52 (NGÂN HÀNG)
63	Nguyễn Đức Hoàng	Tùng	18K4071138	K52 (NGÂN HÀNG)
64	Nguyễn Thị Tường	Vy	18K4071144	K52 (NGÂN HÀNG)
65	Hoàng Thị Lan	Anh	18K4071003	K52 (TÀI CHÍNH)
66	Đào Thị Ngọc	Anh	18K4071002	K52 (TÀI CHÍNH)
67	Nguyễn Thân Quỳnh	Anh	18K4071007	K52 (TÀI CHÍNH)
68	Lê Đức	Bảo	18K4071010	K52 (TÀI CHÍNH)
69	Đỗ Viết Mạnh	Cường	18K4071015	K52 (TÀI CHÍNH)
70	Nay H	Dơ	18K4071017	K52 (TÀI CHÍNH)
71	Trần Thùy	Dung	18K4071018	K52 (TÀI CHÍNH)
72	Phạm Quốc	Dũng	18K4071021	K52 (TÀI CHÍNH)
73	Nguyễn Khoa Bình	Dương	18K4071022	K52 (TÀI CHÍNH)
74	Lê Thị Kim	Đoan	18K4071026	K52 (TÀI CHÍNH)
75	Hoàng Long	Hải	18K4071030	K52 (TÀI CHÍNH)
76	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	18K4071037	K52 (TÀI CHÍNH)
77	Nguyễn Hữu Phúc	Hiếu	18K4071042	K52 (TÀI CHÍNH)
78	Trần Sinh	Hùng	18K4071051	K52 (TÀI CHÍNH)
79	Nguyễn Đình Lê	Huy	18K4071048	K52 (TÀI CHÍNH)
80	Lê Thị	Ly	18K4071062	K52 (TÀI CHÍNH)
81	Lê Thùy Lam	Ngọc	18K4071073	K52 (TÀI CHÍNH)
82	Trương Thảo	Nguyên	18K4071076	K52 (TÀI CHÍNH)
83	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	18K4071077	K52 (TÀI CHÍNH)
84	Trương Quang	Nhật	17K4071053	K52 (TÀI CHÍNH)
85	Lý Thị Yến	Nhi	18K4071085	K52 (TÀI CHÍNH)
86	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	18K4071091	K52 (TÀI CHÍNH)
87	Nguyễn Quốc	Pháp	18K4071094	K52 (TÀI CHÍNH)
88	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	18K4071095	K52 (TÀI CHÍNH)
89	Tống Phước Hoàng	Phúc	18K4071096	K52 (TÀI CHÍNH)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
90	Trần Thị Mỹ	Phượng	18K4071147	K52 (TÀI CHÍNH)
91	Trần Thị	Quỳnh	18K4071106	K52 (TÀI CHÍNH)
92	Lê Thị	Tâm	18K4071109	K52 (TÀI CHÍNH)
93	Hồ Thị Phương	Thảo	18K4071115	K52 (TÀI CHÍNH)
94	Trần Thị Thu	Thảo	18K4071118	K52 (TÀI CHÍNH)
95	Đỗ Nhật Anh	Thư	18K4071149	K52 (TÀI CHÍNH)
96	Nguyễn Thị Thanh	Trà	18K4071135	K52 (TÀI CHÍNH)
97	Nguyễn Thị Tú	Uyên	18K4071139	K52 (TÀI CHÍNH)
98	Bùi Thị	Vy	18K4071143	K52 (TÀI CHÍNH)
99	Bùi Nguyễn Thảo	Vy	18K4071150	K52 (TÀI CHÍNH)
100	Phạm Lê Ngọc	Khánh	18K4081014	K52 (TIN HỌC KT)
101	Đinh Tấn	Minh	18K4081020	K52 (TIN HỌC KT)
102	Nguyễn Hoàng	Nam	18K4081021	K52 (TIN HỌC KT)
103	Trần Thị Tuyết	Nhi	18K4081024	K52 (TIN HỌC KT)
104	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18K4081031	K52 (TIN HỌC KT)
105	Nguyễn Văn	Hiệu	18K4111001	K52 (TKKD)
106	Trần Quang	Long	18K4111002	K52 (TKKD)
107	Hoàng Thị Kim	Anh	18K4151001	K52 (TMĐT)
108	Tạ Văn	Đạt	18K4151008	K52 (TMĐT)
109	Trần Nguyên	Giao	18K4151010	K52 (TMĐT)
110	Trần Văn	Hòa	18K4151017	K52 (TMĐT)
111	Nguyễn Thành	Huy	18K4151018	K52 (TMĐT)
112	Hồ Văn Thanh	Khải	18K4151021	K52 (TMĐT)
113	Nguyễn Công	Khoa	18K4151022	K52 (TMĐT)
114	Phùng Thị	Nguyệt	18K4151030	K52 (TMĐT)
115	Thái Đức	Nhân	18K4151031	K52 (TMĐT)
116	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	18K4151035	K52 (TMĐT)
117	Phan Đức	Rin	18K4151044	K52 (TMĐT)
118	Phạm Quốc	Thái	18K4151049	K52 (TMĐT)
119	Phạm Thị Khánh	Thủy	18K4151054	K52 (TMĐT)
120	Trần Thị Linh	Tiên	18K4151055	K52 (TMĐT)
121	Văn Thiên	Toàn	18K4151056	K52 (TMĐT)
122	Đoàn Minh	Trung	18K4151060	K52 (TMĐT)
123	Nguyễn Hữu Anh	Tú	18K4151062	K52 (TMĐT)
124	Nguyễn Thị Tường	Vi	18K4151064	K52 (TMĐT)
125	Trần Ngọc	Viên	18K4151065	K52 (TMĐT)
126	Trần Viết	Đạt	18K4041033	K52A (KDTM)
127	Phan Như	Hảo	18K4041045	K52A (KDTM)
128	Nguyễn Thị Bích	Hiếu	18K4041057	K52A (KDTM)
129	Nguyễn Thị Hoài	Kim	18K4041080	K52A (KDTM)
130	Đào Thị Mỹ	Linh	18K4041085	K52A (KDTM)
131	Phan Phước	Long	18K4041093	K52A (KDTM)
132	Nguyễn Ngọc Nhật	Nam	18K4041107	K52A (KDTM)
133	Hoàng Hữu	Nghĩa	18K4041112	K52A (KDTM)
134	Dương Thị Hoài	Nhi	18K4041125	K52A (KDTM)
135	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	18K4041130	K52A (KDTM)
136	Trần Thị Lệ	Ni	18K4041139	K52A (KDTM)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
137	Phạm Thị Thu	Phương	18K4041153	K52A (KDTM)
138	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18K4041159	K52A (KDTM)
139	Huỳnh Khánh	Quỳnh	18K4041157	K52A (KDTM)
140	Trần Thị Thanh	Tâm	18K4041164	K52A (KDTM)
141	Dương Quỳnh	Thi	18K4041173	K52A (KDTM)
142	Võ Văn	Toàn	18K4041194	K52A (KDTM)
143	Ngô Thị Ngọc	Trâm	18K4041199	K52A (KDTM)
144	Trần Nguyễn Kiều	Trinh	18K4041204	K52A (KDTM)
145	Lê Thị Hồng	Vân	18K4041215	K52A (KDTM)
146	KEOBANDITH	XOUANMALAY	18K4045001	K52A (KDTM)
147	Nguyễn Võ Thu	Yên	18K4041225	K52A (KDTM)
148	Lê Viết	Đức	18K4051070	K52A (KẾ TOÁN)
149	Văn Võ Hoàng	Gia	17K4051061	K52A (KẾ TOÁN)
150	Trương Thị Thu	Hà	18K4051082	K52A (KẾ TOÁN)
151	Nguyễn Thúy	Hằng	18K4051101	K52A (KẾ TOÁN)
152	Lê Văn	Hoàng	18K4051123	K52A (KẾ TOÁN)
153	Trương Hải	Ly	18K4051206	K52A (KẾ TOÁN)
154	Trần Thị Hồng	Ngọc	18K4051245	K52A (KẾ TOÁN)
155	Võ Thị Ny	Ny	18K4051312	K52A (KẾ TOÁN)
156	Võ Lê Bảo	Quý	18K4051350	K52A (KẾ TOÁN)
157	Lê Thị Minh	Thi	18K4051389	K52A (KẾ TOÁN)
158	Trần Đức	Tính	18K4051436	K52A (KẾ TOÁN)
159	Ngô Phùng Kiều	Trinh	18K4051470	K52A (KẾ TOÁN)
160	Đinh Thị Hồng	Trinh	18K4051466	K52A (KẾ TOÁN)
161	Lê Văn	Vỉ	18K4051520	K52A (KẾ TOÁN)
162	Nguyễn Văn	Anh	18K4011004	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
163	Trương Thanh	Bình	18K4011017	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
164	Đỗ Thành	Đạt	18K4011048	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
165	Phạm Mỹ	Giang	18K4011052	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
166	Nguyễn Thị	Hà	18K4011057	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
167	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18K4011077	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
168	Hồ Đăng	Hoà	18K4011085	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
169	Lê Thị	Hương	18K4011115	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
170	Bùi Gia	Khiêm	18K4011123	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
171	Phan Thị	Lành	18K4011131	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
172	Cao Thị	Linh	18K4011139	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
173	Mai An	Nhiên	18K4011203	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
174	Hồ Như	Quỳnh	18K4011231	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
175	Nguyễn Tấn Châu	Thành	18K4011248	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
176	Lê Hoàng Đắc	Thắng	18K4011258	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
177	Nguyễn Thanh	Toàn	18K4011290	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
178	Lê Văn	Trường	18K4011313	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
179	Trần Quốc	Tuấn	18K4011316	K52A (KH-ĐẦU TƯ)
180	Nguyễn Thị Kim	Anh	18K4011003	K52A (KT&QL DU LỊCH)
181	Nguyễn Thanh Giáng	Châu	18K4011020	K52A (KT&QL DU LỊCH)
182	Ngô Hữu	Định	18K4011049	K52A (KT&QL DU LỊCH)
183	Trần Nhật	Hoàng	18K4011090	K52A (KT&QL DU LỊCH)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
184	Nguyễn Văn	Huy	18K4011099	K52A (KT&QL DU LỊCH)
185	Cao Ngọc Thị Thu	Hương	18K4011114	K52A (KT&QL DU LỊCH)
186	Hồ Lê Tâm	Khánh	18K4011120	K52A (KT&QL DU LỊCH)
187	Dương Đức	Mẫn	18K4011159	K52A (KT&QL DU LỊCH)
188	Lê Vũ Bảo	Ngọc	18K4011177	K52A (KT&QL DU LỊCH)
189	Phan Đình	Nhật	18K4011188	K52A (KT&QL DU LỊCH)
190	Lê Thị Như	Quỳnh	18K4011232	K52A (KT&QL DU LỊCH)
191	Nguyễn Hoàng	Thương	18K4011281	K52A (KT&QL DU LỊCH)
192	Đinh Thị Phương	Trinh	18K4011300	K52A (KT&QL DU LỊCH)
193	Hồ Nguyễn Phương	Uyên	18K4011325	K52A (KT&QL DU LỊCH)
194	Nguyễn Đăng Lâm	Vũ	18K4011330	K52A (KT&QL DU LỊCH)
195	Nguyễn Thị Như	Ý	18K4011335	K52A (KT&QL DU LỊCH)
196	Lê Thị	Dảnh	18K4091018	K52A (MARKETING)
197	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	18K4091032	K52A (MARKETING)
198	Trần Quốc	Hưng	18K4091058	K52A (MARKETING)
199	Đặng Duy	Khải	18K4091063	K52A (MARKETING)
200	Hồ Thị Quỳnh	Linh	18K4091074	K52A (MARKETING)
201	Nguyễn Thị Kim	Lý	18K4091084	K52A (MARKETING)
202	Đặng Thị Thanh	Nhàn	18K4091104	K52A (MARKETING)
203	Võ Thị Thùy	Nhi	18K4091112	K52A (MARKETING)
204	Nguyễn Thị Phương	Nhi	18K4091110	K52A (MARKETING)
205	Lê Thị Ái	Nhi	18K4091108	K52A (MARKETING)
206	Võ Thị Hồng	Nhung	18K4091117	K52A (MARKETING)
207	Dương Thị Hồng	Phương	18K4091124	K52A (MARKETING)
208	Trần Thị Khánh	Quân	18K4091131	K52A (MARKETING)
209	Bùi Đức	Tâm	18K4091140	K52A (MARKETING)
210	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18K4091147	K52A (MARKETING)
211	Huỳnh Thị Kim	Tiến	18K4091158	K52A (MARKETING)
212	Lê Cát	Tường	18K4091173	K52A (MARKETING)
213	Mai Thị Yến	Vi	18K4091182	K52A (MARKETING)
214	Ksơr Hờ	Bách	18K4021020	K52A (QTKD)
215	Trần Thị Kim	Cúc	18K4021040	K52A (QTKD)
216	Hồ Văn	Dung	18K4021047	K52A (QTKD)
217	Nguyễn Thị	Duyên	18K4021052	K52A (QTKD)
218	Lê Thị Thu	Hiền	18K4021578	K52A (QTKD)
219	Nguyễn Thế	Hùng	18K4021156	K52A (QTKD)
220	Phạm Thị Ngọc	Kiều	17K4021116	K52A (QTKD)
221	Lê Vũ Diệu	Linh	18K4021185	K52A (QTKD)
222	Nguyễn Thị Thanh	Nhạn	18K4021277	K52A (QTKD)
223	Trần Thị	Thảo	18K4021411	K52A (QTKD)
224	Bùi Lê Như	Thuần	18K4021435	K52A (QTKD)
225	Lê Xuân	Trường	18K4021514	K52A (QTKD)
226	Lê Thị Ý	Vân	18K4021536	K52A (QTKD)
227	Lê Đức	Ý	18K4021570	K52A (QTKD)
228	Dương Thị Phương	Anh	18K4041002	K52B (KDTM)
229	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18K4041007	K52B (KDTM)
230	Dương Thị Thùy	Châu	18K4041011	K52B (KDTM)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
231	Nguyễn Thị Mộng	Diệp	18K4041017	K52B (KDTM)
232	Lê Đình	Doanh	18K4041022	K52B (KDTM)
233	Dương Thị Mỹ	Hạnh	18K4041047	K52B (KDTM)
234	Ngô Viết	Huỳnh	18K4041067	K52B (KDTM)
235	Ngô Ngọc	Hường	18K4041075	K52B (KDTM)
236	Ngô Thị Hồng	Mão	18K4041102	K52B (KDTM)
237	Nguyễn Thị Tú	Ngân	18K4041109	K52B (KDTM)
238	Huỳnh Xuân	Nghĩa	18K4041113	K52B (KDTM)
239	Đỗ Quang	Nhật	18K4041121	K52B (KDTM)
240	Huỳnh Thị Thanh	Nhi	18K4041126	K52B (KDTM)
241	Nguyễn Thị Ái	Ny	18K4041140	K52B (KDTM)
242	Hà Văn	Phô	18K4041144	K52B (KDTM)
243	Lê Ngọc Như	Phương	18K4041150	K52B (KDTM)
244	Từ Phương	Thảo	18K4041170	K52B (KDTM)
245	Huỳnh Thị Bích	Thùy	18K4041179	K52B (KDTM)
246	Trần Thị Thu	Thủy	18K4041186	K52B (KDTM)
247	Phạm Thị Diệu	Trâm	18K4041200	K52B (KDTM)
248	Lê Thị Kim	Tuyền	18K4041209	K52B (KDTM)
249	Nguyễn Thị Thùy	Vân	18K4041216	K52B (KDTM)
250	Nguyễn Thị Khánh	Vy	18K4041221	K52B (KDTM)
251	Hoàng Thị	An	18K4051002	K52B (KẾ TOÁN)
252	Nguyễn Thị Minh	Anh	18K4051013	K52B (KẾ TOÁN)
253	Phạm Thị Bích	Hằng	18K4051102	K52B (KẾ TOÁN)
254	Đặng Thị Thúy	Huyền	18K4051133	K52B (KẾ TOÁN)
255	Nguyễn Thị Kiều	Nga	18K4051226	K52B (KẾ TOÁN)
256	Đinh Thị Thanh	Ngân	18K4051228	K52B (KẾ TOÁN)
257	Trương Thị Như	Ngọc	18K4051246	K52B (KẾ TOÁN)
258	Đồng Hữu	Nhật	18K4051258	K52B (KẾ TOÁN)
259	Lê Phương Hoài	Nhi	18K4051268	K52B (KẾ TOÁN)
260	Lê Thị Thu	Thảo	18K4051373	K52B (KẾ TOÁN)
261	Lê Viết	Thụ	18K4051420	K52B (KẾ TOÁN)
262	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	18K4051409	K52B (KẾ TOÁN)
263	Hoàng Thị Thúy	Trang	18K4051446	K52B (KẾ TOÁN)
264	Trần Thị Hoài	Vui	18K4051521	K52B (KẾ TOÁN)
265	Cái Thị Ngọc	Yến	18K4051526	K52B (KẾ TOÁN)
266	Nguyễn Thị Hải	Yến	18K4051531	K52B (KẾ TOÁN)
267	Trà Thị Lan	Anh	18K4011005	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
268	Lê Tấn	Bình	18K4011015	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
269	Đào Đức	Dũng	18K4011037	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
270	Đặng Thùy	Duyên	18K4011035	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
271	Phạm Thị	Hà	18K4011059	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
272	Lê Thị Thu	Hà	18K4011056	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
273	Lương Thị Thu	Hiền	18K4011076	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
274	Trần Thị	Hoài	18K4011086	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
275	Phạm Gia	Khánh	18K4011121	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
276	Đỗ Thị	Lài	18K4011129	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
277	Bùi Hoàng	Linh	18K4011138	K52B (KH-ĐẦU TƯ)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
278	Hoàng Văn	Nghĩa	18K4011174	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
279	Hoàng Thiên	Nhị	18K4011205	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
280	Trần Thị Tiểu	Ny	18K4011212	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
281	Nguyễn Mạnh	Quân	18K4011225	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
282	Châu Văn	Tân	18K4011245	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
283	Võ Tiến	Thành	18K4011249	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
284	Trương Thị Bích	Thảo	18K4011253	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
285	Võ Thu	Thủy	18K4011278	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
286	Trần Thị	Thương	18K4011283	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
287	Trương Văn	Tuấn	18K4011317	K52B (KH-ĐẦU TƯ)
288	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	18K4011010	K52B (KT&QL DU LỊCH)
289	Phan Thị Hồng	Ánh	18K4011011	K52B (KT&QL DU LỊCH)
290	Võ Đức	Dũng	18K4011041	K52B (KT&QL DU LỊCH)
291	Thái Phạm Ánh	Dương	18K4011045	K52B (KT&QL DU LỊCH)
292	Huỳnh Thị Lệ	Hậu	18K4011067	K52B (KT&QL DU LỊCH)
293	Trần Thị	Huệ	18K4011097	K52B (KT&QL DU LỊCH)
294	Trương Minh	Huy	18K4011102	K52B (KT&QL DU LỊCH)
295	Mai Thị Ngọc	Huyền	18K4011107	K52B (KT&QL DU LỊCH)
296	Nguyễn Phước Huyền Nữ	Long	18K4011151	K52B (KT&QL DU LỊCH)
297	Lê Ngọc Phước	Mẫn	18K4011160	K52B (KT&QL DU LỊCH)
298	Ngô Thanh Kiều	My	18K4011164	K52B (KT&QL DU LỊCH)
299	Hồ Lý Phương	Nhi	18K4011190	K52B (KT&QL DU LỊCH)
300	Trần Thị Hoài	Như	18K4011211	K52B (KT&QL DU LỊCH)
301	Nguyễn Xuân Hoàng	Phú	18K4011215	K52B (KT&QL DU LỊCH)
302	Từ Thị Hương	Thảo	18K4011254	K52B (KT&QL DU LỊCH)
303	Huỳnh Nguyễn Anh	Thư	18K4011279	K52B (KT&QL DU LỊCH)
304	Hoàng Thị Bảo	Trang	18K4011292	K52B (KT&QL DU LỊCH)
305	Nguyễn Thị Đoan	Trang	18K4011296	K52B (KT&QL DU LỊCH)
306	Hồ Thị Kiều	Trinh	18K4011301	K52B (KT&QL DU LỊCH)
307	Nguyễn Văn	Trường	18K4011314	K52B (KT&QL DU LỊCH)
308	Hoàng	Tùng	18K4011318	K52B (KT&QL DU LỊCH)
309	Cao Mỹ	Uyên	18K4011323	K52B (KT&QL DU LỊCH)
310	Nguyễn Hữu Thành	Công	18K4091017	K52B (MARKETING)
311	Trương Thị Thùy	Dung	18K4091026	K52B (MARKETING)
312	Đỗ Thị Trà	Giang	18K4091030	K52B (MARKETING)
313	Lê Nhật	Hạ	18K4091033	K52B (MARKETING)
314	Đặng Thị Mỹ	Hằng	18K4091038	K52B (MARKETING)
315	Võ Ngọc Phương	Hiền	18K4091047	K52B (MARKETING)
316	Lâm Thị	Hoài	18K4091050	K52B (MARKETING)
317	Nguyễn Nhật	Linh	18K4091075	K52B (MARKETING)
318	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	18K4091077	K52B (MARKETING)
319	Phạm Duy	Long	18K4091080	K52B (MARKETING)
320	Nguyễn Thị Minh	Lý	18K4091085	K52B (MARKETING)
321	Hoàng Thị Thanh	Nga	18K4091095	K52B (MARKETING)
322	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18K4091099	K52B (MARKETING)
323	Phan Thị Hoài	Nhi	18K4091111	K52B (MARKETING)
324	Nguyễn Thị	Ny	18K4091118	K52B (MARKETING)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
325	Nguyễn Thị	Quyến	18K4091135	K52B (MARKETING)
326	Huỳnh Văn	Rin	18K4091139	K52B (MARKETING)
327	Trương Châu Nhật	Tân	18K4091141	K52B (MARKETING)
328	Trần Thị Bích	Thương	18K4091157	K52B (MARKETING)
329	Văn Thị	Trang	18K4091163	K52B (MARKETING)
330	Lê Nhật Minh	Tú	18K4091171	K52B (MARKETING)
331	Nguyễn Thanh	Tuấn	18K4091166	K52B (MARKETING)
332	Nguyễn Thị Cát	Tường	18K4091174	K52B (MARKETING)
333	Lý Văn	Bắc	18K4021025	K52B (QTKD)
334	Hoàng Thị Ngân	Châu	18K4021031	K52B (QTKD)
335	Trần Lê Minh	Hằng	18K4021097	K52B (QTKD)
336	Hồ Thị Thu	Huyền	18K4021147	K52B (QTKD)
337	Đào Thị	Hương	18K4021157	K52B (QTKD)
338	Tạ Quang	Khánh	18K4021167	K52B (QTKD)
339	Nguyễn Lê Thị	Lài	18K4021176	K52B (QTKD)
340	Đỗ Văn	Long	18K4021210	K52B (QTKD)
341	Phạm Thị Xuân	Mi	18K4021232	K52B (QTKD)
342	Hồ Thị Kim	Ngân	18K4021260	K52B (QTKD)
343	Phạm Thị Thảo	Nguyên	18K4021273	K52B (QTKD)
344	Trương Thị Minh	Nhi	18K4021308	K52B (QTKD)
345	Trần Minh	Phong	18K4021333	K52B (QTKD)
346	Trần	Phú	18K4021337	K52B (QTKD)
347	Đoàn Gia	Phụng	18K4021342	K52B (QTKD)
348	Nguyễn Thị Thanh	Phương	18K4021351	K52B (QTKD)
349	Phan Hoàng Kim	Quy	18K4021362	K52B (QTKD)
350	Trần Thị Kim	Thảo	18K4021412	K52B (QTKD)
351	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	18K4021451	K52B (QTKD)
352	Hồ Văn	Thư	18K4021455	K52B (QTKD)
353	Trần Thị Mỹ	Tiên	18K4021462	K52B (QTKD)
354	Phan Thị Thùy	Trang	18K4021484	K52B (QTKD)
355	Lê Thị Thùy	Trang	18K4021472	K52B (QTKD)
356	Trần Văn	Triều	18K4021493	K52B (QTKD)
357	Hà Nữ Tú	Trinh	18K4021495	K52B (QTKD)
358	Hoàng Trọng	Tỵ	18K4021527	K52B (QTKD)
359	Phan Thanh Long	Vũ	18K4021550	K52B (QTKD)
360	Lê Thị Minh	Châu	18K4041012	K52C (KDTM)
361	Dương Thị	Dung	18K4041023	K52C (KDTM)
362	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	18K4041048	K52C (KDTM)
363	Phạm Thị Thúy	Hằng	18K4041052	K52C (KDTM)
364	Phùng	Kiên	18K4041078	K52C (KDTM)
365	Trần Thành	Long	18K4041095	K52C (KDTM)
366	Nguyễn Thị Trà	My	18K4041105	K52C (KDTM)
367	Võ Thị Hà	My	18K4041106	K52C (KDTM)
368	Nguyễn	Nghĩa	18K4041114	K52C (KDTM)
369	Nguyễn Quốc	Nhật	18K4041123	K52C (KDTM)
370	Lê Thị Quỳnh	Như	18K4041137	K52C (KDTM)
371	Lê Quang	Thịnh	18K4041175	K52C (KDTM)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
372	Võ Thị	Thủy	18K4041187	K52C (KDTM)
373	Hoàng Thị Kiều	Trang	18K4041196	K52C (KDTM)
374	Lê Hồ Bảo	Trân	18K4041201	K52C (KDTM)
375	Phan Thị	Tú	18K4041213	K52C (KDTM)
376	Dương Thị Quỳnh	Anh	18K4051004	K52C (KẾ TOÁN)
377	Nguyễn Thị Thu	Diễm	18K4051050	K52C (KẾ TOÁN)
378	Nguyễn Thị Công	Dung	18K4051053	K52C (KẾ TOÁN)
379	Nguyễn Thị	Duyên	18K4051062	K52C (KẾ TOÁN)
380	Phan Nguyễn Hương	Giang	18K4051073	K52C (KẾ TOÁN)
381	Nguyễn Nam	Hải	18K4051084	K52C (KẾ TOÁN)
382	Trần Thu	Hiền	18K4051115	K52C (KẾ TOÁN)
383	Đặng Như	Hoàng	17K4051110	K52C (KẾ TOÁN)
384	Hoàng Phương	Hồng	18K4051126	K52C (KẾ TOÁN)
385	Đoàn Đại	Hùng	18K4051145	K52C (KẾ TOÁN)
386	Đoàn Thị	Lài	18K4051172	K52C (KẾ TOÁN)
387	Lê Thị Quỳnh	Linh	18K4051185	K52C (KẾ TOÁN)
388	Trần Hà Mộc	Miên	18K4051210	K52C (KẾ TOÁN)
389	Hồ Ngọc	Nhật	18K4051259	K52C (KẾ TOÁN)
390	Phạm Thị Thùy	Như	18K4051306	K52C (KẾ TOÁN)
391	Lê Quỳnh	Như	18K4051303	K52C (KẾ TOÁN)
392	Lê Thị Kiều	Oanh	18K4051314	K52C (KẾ TOÁN)
393	Phạm Thị	Phương	18K4051330	K52C (KẾ TOÁN)
394	Dương Thị	Phượng	18K4051334	K52C (KẾ TOÁN)
395	Trần Thị Khánh	Thi	18K4051391	K52C (KẾ TOÁN)
396	Phan Thanh Diệu	Thúy	18K4051411	K52C (KẾ TOÁN)
397	Trần Thị Thanh	Tỏa	18K4051438	K52C (KẾ TOÁN)
398	Trần Thị Thùy	Trang	18K4051459	K52C (KẾ TOÁN)
399	Phạm Ngọc	Trường	18K4051480	K52C (KẾ TOÁN)
400	Nguyễn Thị Thu	Uyên	18K4051501	K52C (KẾ TOÁN)
401	Hoàng Thị	Uyên	18K4051497	K52C (KẾ TOÁN)
402	Hoàng Thị	Yến	18K4051527	K52C (KẾ TOÁN)
403	Nguyễn Nguyên	Chương	18K4021037	K52C (QTKD)
404	Nguyễn Thị Thanh	Hoá	18K4021126	K52C (QTKD)
405	Nguyễn Quang	Huy	18K4021139	K52C (QTKD)
406	Lê Thị Thanh	Huyền	18K4021148	K52C (QTKD)
407	Phan Huỳnh	Khiêm	18K4021169	K52C (QTKD)
408	Trần Thị	Lài	18K4021177	K52C (QTKD)
409	Nguyễn Hồng	Nhật	18K4021279	K52C (QTKD)
410	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	18K4021298	K52C (QTKD)
411	Đoàn Thị Hồng	Nhung	18K4021314	K52C (QTKD)
412	Nguyễn Thị Kim	Phụng	18K4021343	K52C (QTKD)
413	Nguyễn Hồng	Thái	18K4021400	K52C (QTKD)
414	Hà Văn	Thái	18K4021398	K52C (QTKD)
415	Lê Anh Diễm	Thi	18K4021424	K52C (QTKD)
416	Lê Thị	Thu	18K4021433	K52C (QTKD)
417	Nguyễn Công	Tiến	18K4021463	K52C (QTKD)
418	Võ Hữu	Anh	18K4161001	K52CLC (KH-ĐT)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
419	Phan Nguyên	Bảo	18K4161009	K52CLC (KH-ĐT)
420	Đoàn	Duẫn	18K4161004	K52CLC (KH-ĐT)
421	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	18K4161016	K52CLC (KH-ĐT)
422	Phạm Văn Minh	Quang	18K4161020	K52CLC (KH-ĐT)
423	Phan Thị Thanh	Vân	18K4161024	K52CLC (KH-ĐT)
424	Lê Quốc	Việt	18K4161027	K52CLC (KH-ĐT)
425	Ngô Thuý	Hằng	18K4051095	K52CLC (KIỂM TOÁN)
426	Trần Thị Diệu	Linh	18K4191011	K52CLC (KIỂM TOÁN)
427	Dương Ánh	Minh	18K4191001	K52CLC (KIỂM TOÁN)
428	Trần Đức	Nhân	18K4191016	K52CLC (KIỂM TOÁN)
429	Dương Thị	Nhi	18K4191002	K52CLC (KIỂM TOÁN)
430	Nguyễn Thị	Nhung	18K4191017	K52CLC (KIỂM TOÁN)
431	Nguyễn Thị Trâm	Như	18K4191018	K52CLC (KIỂM TOÁN)
432	Nguyễn Thị phương	Thanh	18K4191019	K52CLC (KIỂM TOÁN)
433	Dương Đoàn Hạnh	Thi	18K4191004	K52CLC (KIỂM TOÁN)
434	Trần Lê Anh	Thư	18K4191005	K52CLC (KIỂM TOÁN)
435	Hoàng Thị Vân	Anh	18K4021004	K52CLC (QTKD)
436	Trần Hồ Kiều	Diễm	18K4171008	K52CLC (QTKD)
437	Đặng Thị Mỹ	Dung	18K4171010	K52CLC (QTKD)
438	Lê Thị	Dung	18K4171011	K52CLC (QTKD)
439	Hoàng Thị Quỳnh	Lưu	18K4171030	K52CLC (QTKD)
440	Nguyễn Hạnh	Nguyên	18K4171031	K52CLC (QTKD)
441	Nguyễn Châu	Quang	18K4171035	K52CLC (QTKD)
442	Trần Nhật	Quang	18K4171037	K52CLC (QTKD)
443	Nguyễn Quang	Thắng	18K4171045	K52CLC (QTKD)
444	Lê Thị Hoài	Thương	18K4171047	K52CLC (QTKD)
445	Lê Thị Như	Trang	18K4171049	K52CLC (QTKD)
446	Trần Tiểu	Vi	18K4171053	K52CLC (QTKD)
447	Võ Diệu	Vy	18K4171054	K52CLC (QTKD)
448	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	18K4041005	K52D (KDTM)
449	Trần Cát Quỳnh	Châu	18K4041013	K52D (KDTM)
450	Võ Thị	Diệu	18K4041019	K52D (KDTM)
451	Hoàng Thị Mỹ	Đức	18K4041036	K52D (KDTM)
452	Nguyễn Thị Minh	Hảo	18K4041043	K52D (KDTM)
453	Trần Thị Minh	Hằng	18K4041054	K52D (KDTM)
454	Trương Thị Thúy	Kiều	18K4041079	K52D (KDTM)
455	Lê Văn	Lãnh	18K4041084	K52D (KDTM)
456	Tạ Bích	Loan	18K4041091	K52D (KDTM)
457	Trương Thị Thanh	Ngân	18K4041111	K52D (KDTM)
458	Hồ Thị Bích	Ngọc	18K4041115	K52D (KDTM)
459	Nguyễn Thị	Nhi	18K4041128	K52D (KDTM)
460	Mai Thị	Nhung	18K4041133	K52D (KDTM)
461	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	18K4041138	K52D (KDTM)
462	Trần Thị Kim	Oanh	18K4041142	K52D (KDTM)
463	Ngô Anh	Quân	18K4041156	K52D (KDTM)
464	Nguyễn Tuấn	Thành	18K4041167	K52D (KDTM)
465	Phạm Thị Thu	Thủy	18K4041184	K52D (KDTM)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
466	Phan Thái	Toàn	18K4041193	K52D (KDTM)
467	Nguyễn Thị Minh	Trang	18K4041197	K52D (KDTM)
468	Hoàng Tố	Trinh	18K4041203	K52D (KDTM)
469	Lê Viết	Trường	18K4041207	K52D (KDTM)
470	Đỗ Thị Thảo	Vân	18K4041214	K52D (KDTM)
471	Đào Thị Nguyên	Yên	18K4041224	K52D (KDTM)
472	Tống Thị Minh	Ánh	18K4051026	K52D (KẾ TOÁN)
473	Hoàng Thị	Châu	18K4051035	K52D (KẾ TOÁN)
474	Trần Thị Kim	Chi	18K4051045	K52D (KẾ TOÁN)
475	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	18K4051054	K52D (KẾ TOÁN)
476	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18K4051063	K52D (KẾ TOÁN)
477	Võ Thị Hoài	Giang	18K4051075	K52D (KẾ TOÁN)
478	Hồ Minh	Hiếu	18K4051116	K52D (KẾ TOÁN)
479	Đoàn Quang	Hưng	18K4051146	K52D (KẾ TOÁN)
480	Hà Thị Như	Lai	18K4051167	K52D (KẾ TOÁN)
481	Hoàng Ngọc Nhật	Minh	18K4051211	K52D (KẾ TOÁN)
482	Phan Thị Thanh	Ngọc	18K4051244	K52D (KẾ TOÁN)
483	Trần Thị Khánh	Như	18K4051307	K52D (KẾ TOÁN)
484	Mai Thị Kiều	Oanh	18K4051315	K52D (KẾ TOÁN)
485	Trương Thị Như	Quỳnh	18K4051349	K52D (KẾ TOÁN)
486	Lê Chu Thúy	Quỳnh	18K4051345	K52D (KẾ TOÁN)
487	Trần Thị Thu	Thảo	18K4051382	K52D (KẾ TOÁN)
488	Võ Thị	Thảo	18K4051384	K52D (KẾ TOÁN)
489	Nguyễn Thanh	Thìn	18K4051393	K52D (KẾ TOÁN)
490	Cao Thị Huyền	Trang	18K4051439	K52D (KẾ TOÁN)
491	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	18K4051473	K52D (KẾ TOÁN)
492	Lê Hồ Trọng	Trung	18K4051477	K52D (KẾ TOÁN)
493	Ngô Viết	Tuyến	18K4051486	K52D (KẾ TOÁN)
494	Nguyễn Thị Tú	Uyên	18K4051502	K52D (KẾ TOÁN)
495	Nguyễn Thụy Bảo	Vy	18K4051524	K52D (KẾ TOÁN)
496	Trần Thị Mỹ	Duyên	18K4021055	K52D (QTKD)
497	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	18K4021108	K52D (QTKD)
498	Trần Đức	Hiếu	18K4021118	K52D (QTKD)
499	Lê Thị Ánh	Hồng	18K4021128	K52D (QTKD)
500	Phan Hữu	Huy	18K4021140	K52D (QTKD)
501	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	18K4021149	K52D (QTKD)
502	Nguyễn Thị	Hương	18K4021159	K52D (QTKD)
503	Lê	Khoa	18K4021170	K52D (QTKD)
504	Trần Thị	Lành	18K4021178	K52D (QTKD)
505	Trần Nguyễn Anh	Ly	18K4021222	K52D (QTKD)
506	Nguyễn Đạo	Minh	17K4021145	K52D (QTKD)
507	Võ Phụng	Nghĩa	18K4021263	K52D (QTKD)
508	Nguyễn Minh	Nhật	18K4021280	K52D (QTKD)
509	Hoàng Thị Ý	Nhi	18K4021290	K52D (QTKD)
510	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	18K4021300	K52D (QTKD)
511	Nguyễn Quốc	Phú	18K4021336	K52D (QTKD)
512	Võ Quang	Phương	18K4021353	K52D (QTKD)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
513	Trần Thị Thu	Thảo	18K4021414	K52D (QTKD)
514	Đoàn Phan Uyên	Thi	18K4021423	K52D (QTKD)
515	Nguyễn Thị Thu	Thủy	18K4021453	K52D (QTKD)
516	Trần Anh	Tuấn	18K4021517	K52D (QTKD)
517	Lê Thị Tường	Vi	18K4021540	K52D (QTKD)
518	Trần Thị Dư	Ý	18K4021576	K52D (QTKD)
519	Đoàn Hồ Lan	Anh	18K4051006	K52E (KẾ TOÁN)
520	Nguyễn Khoa	Bách	18K4051028	K52E (KẾ TOÁN)
521	Lê Thanh	Châu	18K4051036	K52E (KẾ TOÁN)
522	Nguyễn Xuân	Dũng	18K4051065	K52E (KẾ TOÁN)
523	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	18K4051076	K52E (KẾ TOÁN)
524	Lê Văn Quốc	Huy	18K4051128	K52E (KẾ TOÁN)
525	Trương Nhật	Hưng	18K4051147	K52E (KẾ TOÁN)
526	Phạm Thị	Hương	18K4051155	K52E (KẾ TOÁN)
527	Nguyễn Viết	Minh	18K4051212	K52E (KẾ TOÁN)
528	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18K4051376	K52E (KẾ TOÁN)
529	Trần Ngọc	Thịnh	18K4051394	K52E (KẾ TOÁN)
530	Nguyễn Thị Diệu	Thu	18K4051402	K52E (KẾ TOÁN)
531	Bùi Thị Ngọc	ánh	18K4021014	K52E (QTKD)
532	Đặng	Chương	18K4021036	K52E (QTKD)
533	Huỳnh Văn	Duẫn	18K4021046	K52E (QTKD)
534	Cao Thị Thu	Hà	18K4021072	K52E (QTKD)
535	Trần Phi	Hải	18K4021085	K52E (QTKD)
536	Phan Thị Diệu	Hồng	18K4021129	K52E (QTKD)
537	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	18K4021150	K52E (QTKD)
538	Trịnh Ngọc Anh	Khoa	18K4021171	K52E (QTKD)
539	Lê Thị Hồng	Loan	18K4021204	K52E (QTKD)
540	Phan Thanh	Nhật	18K4021281	K52E (QTKD)
541	Hồ Thị Uyên	Nhi	18K4021291	K52E (QTKD)
542	Đỗ Thị	Nhơn	18K4021313	K52E (QTKD)
543	Đoàn Thị Kiều	Oanh	18K4021326	K52E (QTKD)
544	Nguyễn Hữu	Phước	18K4021354	K52E (QTKD)
545	Lê Thị Hoài	Phương	18K4021346	K52E (QTKD)
546	Lê Thị Như	Quỳnh	18K4021367	K52E (QTKD)
547	Nguyễn Công	Song	18K4021378	K52E (QTKD)
548	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18K4021406	K52E (QTKD)
549	Trần Thị Lệ	Thủy	18K4021454	K52E (QTKD)
550	Hồ Văn	Toa	18K4021465	K52E (QTKD)
551	Trương Thị Thùy	Trang	18K4021487	K52E (QTKD)
552	Hoàng Thị Kiều	Trinh	18K4021496	K52E (QTKD)
553	Nguyễn Khánh	Trung	18K4021509	K52E (QTKD)
554	Trần Đức	Tuấn	18K4021518	K52E (QTKD)
555	Hồ	Việt	18K4021543	K52E (QTKD)
556	Nguyễn Thị Tường	Vy	18K4021554	K52E (QTKD)
557	Bạch Ngọc Thùy	Dương	18K4051066	K52F (KẾ TOÁN)
558	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18K4051098	K52F (KẾ TOÁN)
559	Hà Thu	Hiền	18K4051107	K52F (KẾ TOÁN)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
560	Phạm Thị Hiền	Lê	18K4051175	K52F (KẾ TOÁN)
561	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	18K4051241	K52F (KẾ TOÁN)
562	Nguyễn Thị Bình	Nhi	18K4051273	K52F (KẾ TOÁN)
563	Phạm Thị Bích	Phượng	18K4051338	K52F (KẾ TOÁN)
564	Trương Tiến	Sỹ	18K4051359	K52F (KẾ TOÁN)
565	Hoàng Thị Hồng	Thắm	18K4051386	K52F (KẾ TOÁN)
566	Trịnh Văn	Thịnh	18K4051395	K52F (KẾ TOÁN)
567	Đỗ Thị Huyền	Trang	18K4051442	K52F (KẾ TOÁN)
568	Lê Thị Quỳnh	Trang	18K4051451	K52F (KẾ TOÁN)
569	Phạm Lê Thảo	Trâm	18K4051463	K52F (KẾ TOÁN)
570	Trần Thị Như	Hảo	18K4021086	K52F (QTKD)
571	Phan Thị Lan	Hương	18K4021161	K52F (QTKD)
572	Hồ Thị Hồng	Liên	18K4021181	K52F (QTKD)
573	Nguyễn Văn	Linh	18K4021193	K52F (QTKD)
574	Nguyễn Thị Đài	Loan	18K4021205	K52F (QTKD)
575	Nguyễn Hữu Thanh	Luân	18K4021215	K52F (QTKD)
576	Nguyễn Thị Thùy	Lý	18K4021226	K52F (QTKD)
577	Trần Thị Kim	Nguyên	18K4021274	K52F (QTKD)
578	Trần Anh	Nhật	18K4021282	K52F (QTKD)
579	Dương Thị Mỹ	Phúc	18K4021338	K52F (QTKD)
580	Võ Duy	Phước	18K4021355	K52F (QTKD)
581	Lê Thị Quỳnh	Phương	18K4021347	K52F (QTKD)
582	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18K4021407	K52F (QTKD)
583	Văn Thị	Thảo	18K4021416	K52F (QTKD)
584	Huỳnh Công	Thuận	18K4021437	K52F (QTKD)
585	Nguyễn Hữu Anh	Thư	18K4021456	K52F (QTKD)
586	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18K4021480	K52F (QTKD)
587	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	18K4021519	K52F (QTKD)
588	Nguyễn Thị Tố	Uyên	18K4021533	K52F (QTKD)
589	Phan Thị Vân	Anh	18K4051018	K52G (KẾ TOÁN)
590	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18K4051099	K52G (KẾ TOÁN)
591	Lương Nguyên Diệu	Hiền	18K4051108	K52G (KẾ TOÁN)
592	Nguyễn Văn	Huy	18K4051130	K52G (KẾ TOÁN)
593	Lê Thị	Hương	18K4051149	K52G (KẾ TOÁN)
594	Lê Thị	Liên	18K4051177	K52G (KẾ TOÁN)
595	Trần Thị Thùy	Linh	18K4051192	K52G (KẾ TOÁN)
596	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18K4051233	K52G (KẾ TOÁN)
597	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	18K4051242	K52G (KẾ TOÁN)
598	Võ Phương	Nhi	18K4051283	K52G (KẾ TOÁN)
599	Lê Thị Tuyết	Nhung	18K4051291	K52G (KẾ TOÁN)
600	Bùi Vũ Khánh	Như	18K4051302	K52G (KẾ TOÁN)
601	Đặng Thị Cẩm	Ny	18K4051310	K52G (KẾ TOÁN)
602	Nguyễn Xuân	Phú	18K4051320	K52G (KẾ TOÁN)
603	Trần Thị Như	Quỳnh	18K4051348	K52G (KẾ TOÁN)
604	Dương Thị Thu	Thảo	18K4051370	K52G (KẾ TOÁN)
605	Lê Thị Ái	Thương	18K4051426	K52G (KẾ TOÁN)
606	Hoàng Thị Kiều	Trang	18K4051443	K52G (KẾ TOÁN)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
607	Hoàng Văn Phúc	Ân	18K4021017	K52G (QTKD)
608	Đỗ Thị Ngọc	Bích	18K4021028	K52G (QTKD)
609	Lê Thị Thanh	Cúc	18K4021038	K52G (QTKD)
610	Đặng Thị Ngọc	Hà	18K4021074	K52G (QTKD)
611	Hoàng Thị Ngọc	Hạnh	18K4021087	K52G (QTKD)
612	Phan Thị Tuyết	Hoa	18K4021121	K52G (QTKD)
613	Lê Thị Hồng	Huệ	18K4021134	K52G (QTKD)
614	Nguyễn Lý	Huỳnh	18K4021154	K52G (QTKD)
615	Nguyễn Trung	Kiên	18K4021173	K52G (QTKD)
616	Phan Thị Thùy	Linh	18K4021195	K52G (QTKD)
617	Trần Quang	Luân	18K4021216	K52G (QTKD)
618	Nguyễn Thị	Ngọc	18K4021266	K52G (QTKD)
619	Đặng Thị Thanh	Nhàn	18K4021275	K52G (QTKD)
620	Huỳnh Thị Quỳnh	Nhi	18K4021293	K52G (QTKD)
621	Cao Thị	Nhi	18K4021283	K52G (QTKD)
622	Nguyễn Thị Hoài	Nhung	18K4021317	K52G (QTKD)
623	Phan Tại	Phúc	18K4021339	K52G (QTKD)
624	Trịnh Đình	Quang	18K4021359	K52G (QTKD)
625	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	18K4021370	K52G (QTKD)
626	Lê Thị Thanh	Thuý	18K4021438	K52G (QTKD)
627	Huỳnh Thị Thùy	Trang	18K4021469	K52G (QTKD)
628	Phan Thiên	Trung	18K4021511	K52G (QTKD)
629	Trần Tố	Uyên	18K4021534	K52G (QTKD)
630	Ngô Quốc	Việt	18K4021545	K52G (QTKD)
631	Trần Thị Như	Yến	18K4021567	K52G (QTKD)
632	Nguyễn Văn	Bình	18K4051031	K52H (KẾ TOÁN)
633	Nguyễn Thị Thanh	Châu	18K4051039	K52H (KẾ TOÁN)
634	Hoàng Minh	Đạt	18K4051068	K52H (KẾ TOÁN)
635	Trần Quang	Huy	18K4051131	K52H (KẾ TOÁN)
636	Lê Thị Mỹ	Hương	18K4051150	K52H (KẾ TOÁN)
637	Võ Thị Thùy	Nhi	18K4051284	K52H (KẾ TOÁN)
638	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	18K4051275	K52H (KẾ TOÁN)
639	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18K4051363	K52H (KẾ TOÁN)
640	Trần Ngọc	Thắng	18K4051388	K52H (KẾ TOÁN)
641	Mai Thị Thu	Thùy	18K4051405	K52H (KẾ TOÁN)
642	Trần Đại	Triều	18K4051465	K52H (KẾ TOÁN)
643	Phan Văn	Bá	18K4021019	K52H (QTKD)
644	Ngô Thị Ngọc	Bích	18K4021029	K52H (QTKD)
645	Đoàn Công	Đạt	18K4021062	K52H (QTKD)
646	Đỗ Thị	Hà	18K4021075	K52H (QTKD)
647	Trương Thị Minh	Huệ	18K4021136	K52H (QTKD)
648	Đặng Nguyễn Ngọc	Nhi	18K4021285	K52H (QTKD)
649	Lê Thị Phương	Nhi	18K4021295	K52H (QTKD)
650	Lê Thị Yến	Phương	18K4021348	K52H (QTKD)
651	Hồ Ngọc	Quân	18K4021360	K52H (QTKD)
652	Nguyễn Văn	Quỳnh	18K4021371	K52H (QTKD)
653	Nguyễn Văn Thanh	Tài	18K4021384	K52H (QTKD)

STT	Họ	Tên	Mã SV	Lớp
654	Phan Trần Thanh	Thảo	18K4021410	K52H (QTKD)
655	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18K4021482	K52H (QTKD)
656	Huỳnh Thị	Trinh	18K4021499	K52H (QTKD)
657	Ngô Thị Kiều	Trinh	18K4021501	K52H (QTKD)
658	Nguyễn Quang	Vinh	18K4021547	K52H (QTKD)
659	Huỳnh Thị Như	Ý	18K4021569	K52H (QTKD)